TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỊNH BIÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05-9- 2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Tòng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Minh Chuyên;

2. Ông Chau Cương.

- Thư ký phiên toà: Ông Võ Thanh Hùng, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nèang Sa Men, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 63/2018/TLST-HNGĐ ngày 22/3/2018, về*: "tranh chấp ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Neang Chanh N, sinh năm: 1993; địa chỉ nơi cư trú: Tổ 2, ấp V, xã A, huyện T, tỉnh An Giang;

2. Bị đơn: Anh Chau Chanh T, sinh năm:1991; địa chỉ nơi cư trú: ấp Đ, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

3. Người phiên dịch: Ông Lục Tà D – Công tác tại đài truyền thanh huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Chị Neang Chanh N, ông Lục Tà Dùng có mặt tại phiên tòa; anh Chau Chanh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Neang Chanh N trình bày: Chị N và anh T được gia đình tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

An Cư, theo giấy chứng nhận kết hôn số 05/2013. Khi có 01 con chung, anh T không quan tâm đến vợ con, bỏ nhà đi không lo cho gia đình. Nhận thấy, cuộc sống không thể hàn gắn nên chị N yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị N và anh T có 01 con chung tên Chau Vi Linh, sinh ngày: 01/3/2013. Chị N yêu cầu được nuôi dạy con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tòa án đã tiến hành thủ tục hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau:

- Về tố tụng:

+ Thẩm phán: Chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Hội đồng xét xử: Đảm bảo đúng quy định của pháp luật gồm một thẩm phán, hai Hội thẩm nhân dân;

+ Người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa;

+ Bị đơn anh Chau Chanh T không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Nhận thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

+ Về con chung: Trong thời gian ly thân, chị N và anh T chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Chau Vi Linh. Anh T không quan tâm, thăm nom chăm sóc con cái, từ đó đề nghị Hội đồng xét xử để con chung cho chị N nuôi dạy. Do chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi dạy con chung, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Chị Neang Chanh N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Chau Chanh T và anh Chau Chanh T cư trú trên địa bàn huyện Tịnh Biên theo

Biên bản xác minh ngày 08-5-2018 tại ấp Đây Cà Hôm, xã Văn Giáo. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh Chau Chanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị Neang Chanh N và anh Chau Chanh T kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Cư, theo giấy chứng nhận kết hôn số 05/2013; nên hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng;

Chị Neang Chanh N yêu cầu ly hôn với anh Chau Chanh T. Nguyên nhân khi chị N và anh T có 01 con chung, anh T đã bỏ nhà đi cho đến nay, bỏ mặc không lo cho chị N và con, không làm tròn trách nhiệm của người cha, người chồng.

Đồng thời, theo Biên bản xác minh tại địa phương, khi anh Chau Chanh T và chị Nèang Chanh N kết hôn, anh T về nhà chị N sinh sống, trong thời gian sinh sống, anh T không lo làm ăn, thường xuyên nhậu, ăn chơi, không lo cho chị N và cháu Linh. Từ đó, chị N và anh T mâu thuẫn, anh T đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống, không quan tâm đến vợ con.

Từ đó, nhận thấy hôn nhân của chị N và anh T không đạt được, lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Neang Chanh N với anh Chau Chanh T.

Về con chung: Chị Neang Chanh N và anh Chau Chanh T có 01 con chung tên: Chau Vi Linh, sinh ngày: 01/3/2013; Trong thời gian chị N và anh T không sống với nhau, cháu Linh sống cùng với chị N, anh T không tới lui chăm sóc cũng như thăm nom con; Khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; Nên Hội đồng xét xử để con chung cháu Chau Vi Linh cho chị N nuôi dạy. Anh Chau Chanh T không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Chị Neang Chanh N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Chau Chanh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích của con, cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí, chị Neang Chanh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhâ n sơ thẩm 300.000 đồng mà chị N đã nộp; chị N đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Về hôn nhân: Chị Neang Chanh N được ly hôn với anh Chau Chanh T.

Về con chung: Chị Neang Chanh N được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung cháu Chau Vi Linh, sinh ngày: 01/3/2013. Anh Chau Chanh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Neang Chanh N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Chau Chanh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha hoặc mẹ, người thân thích, cá nhân, tổ chức, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí: Chị Neang Chanh N phải chịu *300.000 (ba trăm ngàn) đồng* án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm chị N đã nộp là *300.000 (ba trăm ngàn) đồng* theo Biên lai T tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2016/0004078 ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên; Chị Neang Chanh N nộp đủ án phí.

Anh Chau Chanh T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Neang Chanh N có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Thời hạn kháng cáo của anh Chau Chanh T được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKS nhân dân H. Tịnh Biên (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS H. Tịnh Biên(1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1);
- UBND nơi đăng ký kết hôn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thanh Tòng